

Số: 443/2026/QĐST-VHN

Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH SƠ THẨM
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:** Ông Nguyễn Sơn Hà;

- **Thư ký phiên họp:** Ông Nguyễn Mạnh Toàn - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8 - Hà Nội.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hà Nội tham gia phiên họp:** Bà Đỗ Khánh Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 – Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 407/2026/TLST- VHNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2026 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” theo Quyết định mở phiên họp số 16/2026/QĐST-VDS ngày 03/7/2026.

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

+ **Anh Han S**, sinh năm 1986 (Có đơn xin vắng mặt);

Nơi cư trú: 23-21, Jaunseowon-ro, B, P, G, Hàn Quốc.

Người được anh **Han S** ủy quyền nhận văn bản tố tụng là: Bà Nguyễn Thị Hồng Gấm, sinh năm 1999; Địa chỉ: Xóm C, xã H, tỉnh N.

+ **Chị Nguyễn Thị T**, sinh năm 1997; (Có đơn xin vắng mặt);

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Đội 4 thôn C, xã A, Thành phố H

NỘI DUNG VỤ VIỆC:

- **Chị Nguyễn Thị T trình bày:** Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Han S đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 08 năm 2023 tại hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 3186-2703-3906-3788, thực hiện ghi chú kết hôn tại UBND huyện H, Thành phố H số 19/2023/TLGCKH. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn anh chị không chung sống cùng nhau bởi chồng là anh Han S sinh sống và làm việc ở Hàn Quốc. Vợ chồng anh chị chỉ giữ liên lạc với nhau qua điện thoại nhưng không thường xuyên, không có điều kiện để gần gũi, chia sẻ, vun đắp mái ấm gia đình với nhau. Khoảng cách xa xôi và những khác biệt về văn hóa, lối sống đã khiến vợ chồng chị Nguyễn Thị T

và anh Han S xảy ra mâu thuẫn, không có sự đồng cảm, thấu hiểu với nhau. Mặc dù anh chị đã nhiều lần tìm cách liên hệ với nhau, tìm cách thu xếp công việc và cuộc sống để vợ chồng có thể chung sống, đoàn tụ với nhau nhưng không có kết quả. Trong suốt thời kỳ hôn nhân, anh chị không có con chung, vì vậy cũng không phát sinh nghĩa vụ với nhau, giữa hai người không có sự ràng buộc hay trách nhiệm liên đới. Nay nhận thấy hôn nhân đã rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng của anh Han S và chị Nguyễn Thị T không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân trên thực tế không đạt được, nên hai người thống nhất lựa chọn và đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hà Nội giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh Han S và chị T không có con chung nên không đề nghị Tòa giải quyết.

Về tài sản chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Han S nhất trí với ý kiến chị Nguyễn Thị T và có đơn xin vắng mặt.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hà Nội đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hà Nội chấp nhận yêu cầu của các đương sự: Công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Han S và chị Nguyễn Thị T. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu cả lệ phí ly hôn sơ thẩm theo quy định nên được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hà Nội tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hà Nội nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Hà Nội thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Han S và chị Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 08 năm 2023 tại cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 3186-2703-3906-3788, thực hiện ghi chú kết hôn tại UBND huyện H, Thành phố H số 19/2023/TLGCKH. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do không hợp về văn hóa, lối sống, quan điểm sống bất đồng, mặc dù anh chị đã nhiều lần tìm cách liên hệ với nhau, tìm cách thu xếp công

việc và cuộc sống để vợ chồng có thể chung sống, đoàn tụ với nhau nhưng không có kết quả. Nay anh chị xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

[2.2]. Về con chung: Trong thời kì hôn nhân, anh Han S và chị T không có con chung nên không đề nghị Tòa giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu cả lệ phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 29, Điều 35, Điều 370, Điều 371 Bộ Luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Han S và chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Anh chị không có con chung, không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp gia đình hai bên và nợ chung: Anh chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu cả 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng Thẩm đã nộp tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000123 ngày 02/7/2026 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội. Chị T đã nộp đủ lệ phí.

5. Quyết định có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 13/7/2026.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 – Hà Nội;
- THA DS thành phố HN;
- UBND xã A, thành phố HN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Sơn Hà